

Phụ lục I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG;
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG CÁC LĨNH VỰC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU; MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH CAO BẰNG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (07 TTHC)

* Danh mục các TTHC công bố tại Mục này là các TTHC phân cấp theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Quyết định số 1847/QĐ-BNNMT ngày 21/5/2026 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực biến đổi khí hậu thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

LĨNH VỰC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (07 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (07 TTHC)						
1	Đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon (1.014129)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện cấp tài khoản thông tin cho tổ chức; trường hợp	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến một phần tại địa chỉ: dichvucong.gov.vn	Không quy định	- Khoản 11 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Điểm b khoản 2 Điều 18 Nghị định số 06/2022/ NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP và Nghị định số 83/2026/ NĐ-CP; - Mục I Phần B Phụ Lục XII ban hành kèm theo Nghị quyết

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		từ chối cấp tài khoản nêu rõ lý do				số 17/2026/ NQ-CP ngày 29/4
2	Đăng ký/Điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ cac-bon trong nước (1.014136)	15 ngày làm việc và 47 ngày, trong đó: - Thời hạn kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thời hạn đăng tải hồ sơ lấy ý kiến rộng rãi: 01 ngày làm việc. - Thời hạn lấy ý kiến rộng rãi: 30 ngày. - Thời hạn tổng hợp và thông báo ý kiến: 05 ngày làm việc. - Thời hạn kiểm tra tính hợp lệ của	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến một phần tại địa chỉ: dichvucong.gov.vn	Không quy định	- Điểm d khoản 2, khoản 8 Điều 91, khoản 6 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Khoản 5 Điều 20 Nghị định số 06/2022/ NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP và Nghị định số 83/2026/ NĐ-CP; - Mục II Phần B Phụ Lục XII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/ NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>hồ sơ sau hoàn thiện: 03 ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn lấy ý kiến về việc phê duyệt đăng ký dự án: 03 ngày làm việc và 10 ngày.</p> <p>- Tổ chức đánh giá, quyết định phê duyệt đăng ký dự án: 07 ngày.</p>				
3	Thay đổi thành phần tham gia dự án (1.014131)	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến một phần tại địa chỉ: dichvucong.gov.vn. 	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm d khoản 2, khoản 8 Điều 91, khoản 6 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Khoản 7 Điều 20 Nghị định số 06/2022/ NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP và Nghị định số 83/2026/ NĐ-CP; - Mục III Phần B Phụ Lục XII

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/ NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
4	Hủy đăng ký dự án (1.014132)	30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến một phần tại địa chỉ: dichvucong.gov.vn .	Không quy định	- Điểm d khoản 2, khoản 8 Điều 91, khoản 6 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Khoản 8 Điều 20 Nghị định số 06/2022/ NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP và Nghị định số 83/2026/ NĐ-CP; - Mục IV Phần B Phụ Lục XII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/ NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
5	Cấp tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước (1.014133)	06 ngày làm việc và 30 ngày, trong đó: - Thời hạn kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến một phần tại địa chỉ: dichvucong.gov.vn .	Không quy định	- Điểm d khoản 2, khoản 8 Điều 91, khoản 6 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Khoản 9 Điều 20 Nghị định số 06/2022/ NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn gửi hồ sơ lấy ý kiến: 03 ngày làm việc. - Thời hạn góp ý kiến: 15 ngày. - Trình phê duyệt và trả kết quả giải quyết: 15 ngày 				<ul style="list-style-type: none"> số 119/2025/NĐ-CP và Nghị định số 83/2026/ NĐ-CP; - Mục V Phần B Phụ Lục XII ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/ NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ
6	Hủy đăng ký tín chỉ các-bon tự nguyện (2.002848)	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến một phần tại địa chỉ: dichvucong.gov.vn. 	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 3 Điều 13 Thông tư số 11/2026/TT-BNNMT ngày 13/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 6 và khoản 3 Điều 19 Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
7	Chuyển quyền sở hữu hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon ngoài hệ	07 ngày làm việc. - Thời hạn kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: 02	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Hoặc nộp hồ sơ 		<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 17 Thông tư số 11/2026/ TT-BNNMT ngày 13/02/ 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	thông giao dịch các bon (2.002849)	ngày làm việc. - Thời hạn xem xét, cập nhật quyền sở hữu: 05 ngày làm việc.	tỉnh, cấp xã	trực tuyến một phần tại địa chỉ: dichvucong.gov.vn.		Môi trường; - Khoản 2 và 3 Điều 6 và khoản 3 Điều 19 Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG¹ (01 TTHC)
LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG**

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (01)							
1	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (1.010733)	<i>a) Trước ngày 01 tháng 7 năm 2026: - Không quá 20 ngày đối với dự án đầu tư nhóm II;</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - <i>Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến một phần tại địa chỉ: dichvucong.gov.vn.</i>	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: Theo nghị quyết số 22/2025/NQ-	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;	- Sửa đổi bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thời hạn giải quyết TTHC

¹ Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>- Không quá 10 ngày đối với dự án đầu tư công đặc biệt theo quy định của pháp luật về đầu tư công.</p> <p>b) Từ ngày 01 tháng 7 năm 2026:</p> <p>- Không quá 20 ngày đối với trường hợp thuộc thẩm quyền thẩm định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;</p> <p>- Không quá 10 ngày đối với trường hợp dự án đầu tư công</p>			<p>HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh cao Bằng</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: theo Nghị quyết số 31/2025/ NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh cao Bằng</p>	<p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<i>đặc biệt theo quy định của pháp luật về đầu tư công.</i>				<p>01 năm 2025;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường 	

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025; - Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, 	

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<i>bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</i>	

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (02 TTHC)

LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố danh mục TTHC	Căn cứ văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (02 TTHC)				
1	1.010735	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	STT2, Phần A phụ lục I và STT2, Phần I phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong lĩnh vực môi trường thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Cao Bằng.	Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

2	1.010730	Cấp lại giấy phép môi trường	STT5, Phần A phụ lục I và STT5, Phần I phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong lĩnh vực môi trường thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Cao Bằng.	Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
---	----------	------------------------------	---	--

- Tổng số danh mục TTHC công bố	10	TTHC
Trong đó:		
+ Công bố mới:	07	TTHC
+ Sửa đổi, bổ sung:	01	TTHC
+ Bãi bỏ	02	TTHC
TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính:	08	TTHC